

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Bản án số: 303/2020/HS-ST
Ngày: 10-11-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Từ Minh Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Thắng và ông Nguyễn Thanh Luật;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Loan, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 293/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 303/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2020/HSST-QĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ Phạm Thị Hồng T, sinh năm 1995 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: 1/30/25B đường N, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình L, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965; bị cáo có chồng tên Huỳnh Lâm K, sinh năm 1997 (không đăng ký kết hôn) và có 04 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền sự, nhân thân: Không có.

Tiền án: Bản án số 223/2019/HSST ngày 28-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo chưa chấp hành.

Bị bắt, tạm giam ngày 18/4/2020. Có mặt.

2/ Trần Minh P, sinh năm 1993 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: 149/14/8 đường L, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch:

Việt Nam; con ông Trần Minh T, sinh năm 1970 và bà Lê Thị T, sinh năm 1972; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân:

- Bản án số 226/2009/HSST ngày 11/9/2009 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong bản án ngày 17/3/2011.

- Quyết định số 3318/QĐ-UBND ngày 03/8/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh thời hạn 24 tháng về hành vi “Sử dụng chất ma túy”. Chấp hành xong ngày 25/5/2014.

- Quyết định số 13068/QĐ-XPHC ngày 10/4/2015 của Trưởng Công an phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 1.500.000đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong ngày 16/4/2015.

- Quyết định số 19/QĐ-TA ngày 01/02/2016 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng về hành vi “Sử dụng chất ma túy”. Chấp hành xong ngày 21/12/2017.

Bị bắt, tạm giam ngày 18/4/2020. Có mặt.

3/ Đinh Văn S, sinh năm 1989 tại Nam Định. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn T, sinh năm 1955 và bà Đinh Thị V, sinh năm 1955; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự, nhân thân: Không có.

Nhân thân: Bản án số 133/2007/HSST ngày 14/5/2007 của Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hà Nội xử phạt 10 (mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong bản án ngày 14/12/2007.

Bị bắt, tạm giam ngày 18/4/2020. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Phú Q, sinh năm 1984; nơi cư trú: 42/10 đường C, phường K, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

Người làm chứng: Ông Nguyễn Hoàng M (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 35 phút ngày 18 tháng 4 năm 2020, khi tổ tuần tra của Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và ma túy Công an thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương phối hợp cùng Công an phường Lái Thiêu tiến hành tuần tra tại khu vực xung

quanh chùa Q thuộc khu phố H, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương phát hiện Trần Minh P điều khiển xe mô tô biển số 59T1 – 517.84 chở theo Phạm Thị Hồng T dừng xe cạnh vị trí Đinh Văn S đang đứng. Lúc này S cầm trên tay số tiền 300.000đồng (gồm 01 tờ tiền mệnh giá 200.000đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 100.000đồng) để đưa cho T, T đưa lại cho P để bỏ vào túi quần phía sau bên phải P đang mặc đồng thời P đang lấy từ bên trong túi quần phía trước bên phải đang mặc 01 gói nilon chứa tinh thể màu trắng cầm trên tay phải để đưa cho S, S cất gói ma túy vừa nhận từ P vào 01 ví da rồi để vào túi quần phía sau bên phải đang mặc. Khi tổ tuần tra đến làm việc, T, P và S cùng khai nhận T và P vừa bán cho S 01 gói ma túy đá với giá 300.000đồng thì bị phát hiện bắt quả tang. Qua kiểm tra, ngoài gói nilon chứa tinh thể màu trắng thu giữ của S và số tiền 300.000đồng thu giữ của P, lực lượng công an còn phát hiện bên trong túi quần phía trước bên phải P đang mặc còn có 04 gói nilon hàn kín chứa tinh thể màu trắng.

Các bị cáo khai nhận các gói nilon hàn kín trên là ma túy nên lực lượng công an đã đưa đối tượng cùng tang vật về trụ sở để làm việc.

Qua điều tra, bị cáo Phạm Thị Hồng T khai nhận vào khoảng 12 giờ 20 phút ngày 18/4/2020, khi T đang ở nhà của P (bạn trai T) thì nhận được điện thoại của S hỏi mua ma túy thì T đồng ý. Do không có sẵn nên T đã nhờ P dùng xe mô tô biển số 59T1 – 517.84 (do T mượn của mẹ ruột) chở đến khu vực Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh mua của một người phụ nữ (không rõ nhân thân lai lịch) 1.000.000đồng ma túy. Khi về đến nhà của P, T đã chia số ma túy vừa mua được thành 05 phần bỏ vào 05 túi nilon nhỏ miệng hàn kín và đưa cho P cất giữ nhằm mục đích bán cho các con nghiện. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, T nhờ P điều khiển xe mô tô biển số 59T1 – 517.84 chở đến khu vực chùa Q thuộc khu phố H, phường L để bán ma túy cho S (do T và S đã liên lạc và hẹn từ trước). Khi vừa thực hiện xong giao dịch mua bán thì cả 03 bị lực lượng công an bắt quả tang.

Ngày 21/4/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương có kết luận giám định số 224/MT-PC09 với nội dung: Mẫu tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, có khối lượng/trọng lượng 1,0439 gam (M1); 0,1868 gam (M2), loại Methamphetamine.

Tại bản Cáo trạng số 307/CT-VKS -TA ngày 12/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo Phạm Thị Hồng T và Trần Minh P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và truy tố bị cáo Đinh Văn S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định Cáo trạng đã truy tố, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Phạm Thị Hồng T từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù và bị cáo Trần Minh P từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù cùng về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; đề nghị tuyên phạt bị cáo Đinh Văn S từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 02 bì thư niêm phong ký hiệu 224/PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, là vật chứng trong vụ án nên đề xuất tịch thu, tiêu hủy;

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO F7 màu đen, kèm sim 0972.243.589 thu giữ của bị cáo S và 01 điện thoại di động hiệu OPPO F9 màu tím, kèm sim 0823.323.933 thu giữ của bị cáo T là phương tiện các bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội nên đề xuất tịch thu, sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 300.000 đồng thu giữ của bị cáo P, qua điều tra xác định số tiền này do phạm tội mà có nên đề xuất tịch thu, sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 59T1 – 517.84 thu giữ của bị cáo T: Quá trình điều tra xác định được xe trên do ông Nguyễn Phú Q đứng tên chủ sở hữu. Ông Q gửi xe tại nhà mẹ vợ là bà Nguyễn Thị H, ngày 18/4/2020, bà H cho T mượn xe đi công việc và cả bà H, ông Q đều không biết việc T sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại xe cho ông Q là phù hợp.

Đối với người phụ nữ đã bán ma túy cho bị cáo T, hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch, khi nào xác minh được sẽ xử lý sau.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng theo nội dung Viện kiểm sát truy tố. Các bị cáo đã ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không khiếu nại, tố cáo về các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Thị Hồng T, Trần Minh P và Đinh Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo trước Tòa. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 18/4/2020, tại khu vực gần chùa Q thuộc khu phố H, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Phạm Thị Hồng T và Trần Minh P thực hiện hành vi bán 01 gói nilon chứa tinh thể màu trắng với giá 300.000đồng cho bị cáo Đinh Văn S. Việc mua bán đã thực hiện xong, P đã nhận tiền và cất vào túi quần đang mặc, S đã nhận ma túy và cất vào ví da để trong túi quần đang mặc. Ngoài ra, cơ quan công an còn thu giữ trong người của P 04 gói nilon hàng kín chứa tinh thể màu trắng. Qua giám định đã xác định các mẫu tinh thể màu trắng trên là ma túy, có khối lượng/trọng lượng 1,0439 gam (M1); 0,1868 gam (M2), loại Methamphetamine

Do đó, Cáo trạng truy tố các bị cáo Phạm Thị Hồng T và Trần Minh P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và truy tố bị cáo Đinh Văn S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo T và bị cáo P đều nhận thức được hành vi cố ý mua, tàng trữ trái phép chất ma túy để bán cho người khác nhằm mục đích kiếm lời và bị cáo S đã mua ma túy rồi cất giấu trong người nhằm mục đích sử dụng là vi phạm pháp luật Hình sự nhưng để thỏa mãn cơn nghiện và có tiền tiêu xài mà không phải tốn nhiều sức lao động, các bị cáo đã cùng nhau thực hiện hành vi mua bán, tàng trữ ma túy, hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền về quản lý chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo T từng bị Tòa án kết án và xử phạt về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy, được hoãn thi hành án phạt tù do nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nhưng bị cáo lại không tự cải tạo, giáo dục và tu thân, dưỡng tính nuôi dạy con cái mà còn cố ý thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp đồng thời còn rủ rê, lôi kéo người khác cùng thực hiện hành vi phạm tội. Đối với bị cáo P và bị cáo S: Cả hai bị cáo đều từng bị Tòa án kết án về các hành vi vi phạm pháp luật hình sự và xử lý hành chính, cá biệt bị cáo P nhiều lần bị xử phạt nhưng các bị cáo đều không lấy đó làm bài học cho bản thân.

Vì vậy phải xét xử mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, trong đó có xem xét, phân hóa vai trò phạm tội. Vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, trong đó, bị cáo T là người chủ mưu, rủ rê, bị cáo P là người trực tiếp thực hiện hành vi mua bán ma túy với S. Do đó, tính chất nguy hiểm của bị cáo T cao hơn bị cáo P. Cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng cho các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo P và S phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo T phạm tội trong thời gian hoãn chấp hành hình phạt tù của Bản án số 223/2019/HSST ngày 28-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Đối với người phụ nữ đã bán ma túy cho bị cáo T, hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch, khi nào xác minh được sẽ xử lý sau.

Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 02 bì thư niêm phong ký hiệu 224/PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, là vật chứng trong vụ án nên tịch thu, tiêu hủy;

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO F7 màu đen, kèm sim 0972.243.589 thu giữ của bị cáo Sơn và 01 điện thoại di động hiệu OPPO F9 màu tím, kèm sim 0823.323.933 thu giữ của bị cáo T là phương tiện các bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội nên tịch thu, sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 300.000 đồng thu giữ của bị cáo P, qua điều tra xác định số tiền này do phạm tội mà có nên tịch thu, sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 59T1 – 517.84 thu giữ của bị cáo T: Quá trình điều tra xác định được xe trên do ông Nguyễn Phú Q đứng tên chủ sở hữu. Ông Q gửi xe tại nhà mẹ vợ là bà Nguyễn Thị H, ngày 18/4/2020, bà H cho T mượn xe đi công việc và cả bà H, ông Q đều không biết việc T sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại xe cho ông Q là phù hợp.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phạm Thị Hồng T;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Minh P;

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Đinh Văn S;

Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị Hồng T và Trần Minh P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Hồng T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án số 223/2019/HSST ngày 28-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2020, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30/6/2019 đến ngày 09/7/2019.

Xử phạt bị cáo Trần Minh P 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2020.

1.2. Tuyên bố bị cáo Đinh Văn S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn S 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2020

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy 02 bì thư niêm phong ký hiệu 224/PC09 đều có hình dấu đỏ của Công an phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương:

+ Bì thư M1 có chữ ký của người bị bắt tên Trần Minh P, Phạm Thị Hồng T, cán bộ niêm phong Thái Ngọc Tân, là mẫu vật hoàn lại sau giám định, khối lượng/trọng lượng 0,7926gam;

+ Bì thư M2 có chữ ký của người bị bắt Đinh Văn S, cán bộ niêm phong Cao Thành Tín, là mẫu vật hoàn lại sau giám định, khối lượng/trọng lượng 0,1332gam.

Giấy niêm phong có ký tên của Trần Minh P, Phạm Thị Hồng T, Đinh Văn S (người chứng kiến), Trần Hoàng Huy (trợ lý giám định), Trương Vương Khang (cán bộ giao mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương.

- Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu OPPO F7 màu đen, kèm sim 0972.243.589, 01 điện thoại di động hiệu OPPO F9 màu tím, kèm sim 0823.323.933 và số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng).

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08/10/2020 và ủy nhiệm chi lập ngày 08/10/2020).

3. Về án phí:

Buộc các bị cáo Phạm Thị Hồng T, Trần Minh P và Đinh Văn S mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Công an thành phố Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Bị cáo; Người liên quan;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Từ Minh Toàn